

Sơn La, ngày 22 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
TỈNH SƠN LA**

1. Lưu vực sông Đà

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng nước mưa trong 7 ngày đã qua: Phổ biến từ 80-100mm.
- Tổng lượng nước mặt trong 7 ngày đã qua: Trên sông Đà tại trạm thủy văn Tạ Bú cao hơn so TBNN 18%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng nước mưa trong 10 ngày tới: Phổ biến từ 50-80mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng nước mặt trong 10 ngày tới: Trên sông Đà tại trạm thủy văn Tạ Bú cao hơn so TBNN 16%.
- Cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước: Ít có khả năng xảy ra thiếu hụt nguồn nước.

2. Lưu vực sông Mã

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng nước mưa trong 7 ngày đã qua: Phổ biến dưới 40-70mm.
- Tổng lượng nước mặt trong 7 ngày đã qua: Tại trạm thủy văn Xã Là cao hơn so với TBNN 8%.

b. Dự báo, cảnh báo

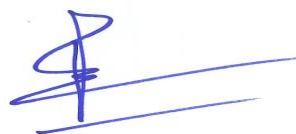
- Tổng lượng nước mưa trong 10 ngày tới: Phổ biến từ 50-80mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng nước mặt trong 10 ngày tới: Tại trạm thủy văn Xã Là cao hơn so với TBNN 6%.
- Cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước: Ít có khả năng xảy ra thiếu hụt nguồn nước.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h45' ngày 01/9/2025

Tin phát lúc: 15h45'

Dự báo viên: Hoàng Trung Thành

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Văn Cường

Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 22 đến ngày 31/8/2025

Đơn vị:mm

Tỉnh Sơn La	Thực đo 07 ngày đã qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo từ ngày 22 đến ngày 31/8/2025											
			Ngày 22	Ngày 23	Ngày 24	Ngày 25	Ngày 26	Ngày 27	Ngày 28	Ngày 29	Ngày 30	Ngày 31	Tổng (*)	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Đà	2450	>18	30	45	60	50	40	35	20	10	15	10	255	>14
Lưu vực sông Mã	195	>9	30	45	55	40	25	20	15	10	10	5	200	>6

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 22 đến ngày 31/8/2025

Đơn vị: 10⁶ m³

Sông	Trạm	Thực đo 07 ngày đã qua (10 ⁶ m ³)	So sánh TBNN (%)	Dự báo từ ngày 22 đến ngày 31/8/2025											
				Ngày 22	Ngày 23	Ngày 24	Ngày 25	Ngày 26	Ngày 27	Ngày 28	Ngày 29	Ngày 30	Ngày 31	Tổng (*)	So sánh TBNN (%)
Đà	Tạ Bú	3130	>19	3133	3145	3205	3580	3600	3415	3245	3198	3155	3118	3279	>10
Mã	Xã Là	525	<7	375	790	1105	1185	1270	1165	1155	855	745	440	909	>26